

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2026/DS-PT

Ngày: 18/5/2026

V/v: “*Tranh chấp chia di sản thừa
kế, hủy quyết định cá biệt*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Phước Hoà

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường

bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thành An, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:** ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân
dân tỉnh Quảng Trị, xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
135/2025/TLPT- TA ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp chia di sản
thừa kế, hủy quyết định cá biệt*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST
ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị do có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 866/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 4
năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thái Văn K, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện
C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn N, xã C, huyện C, tỉnh
Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Quảng Trị.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND xã C, tỉnh Quảng Trị;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành C – Trưởng Phòng kinh tế; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

+ Bà Thái Thị H1; địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là xã H, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Bà Mai Thị D; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Ông Thái Văn L; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Bà Thái Thị D1; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Bà Thái Thị D2; địa chỉ: thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Bà Thái Thị H2; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Ông Võ Văn D3; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là xã K, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Ông Võ Văn C1; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Bà Võ Thị M; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Bà Võ Thị L1; địa chỉ: thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Ông Võ Văn Q; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Ông Võ Văn H3; địa chỉ: thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Bà Võ Thị H4; địa chỉ: thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Bà Võ Thị H5; địa chỉ: Số A T, khu phố C, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (nay là phường N, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Chị Võ Nhật L2; địa chỉ: thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Chị Võ Y L3; địa chỉ: thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú hiện nay: thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đà Nẵng); vắng mặt.

+ Chị Võ Thị Thúy H6, địa chỉ: đường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Ông Lê Cẩm T, sinh năm 1984 và bà Võ Thị Lan H7, sinh năm 1988 trú tại: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

+ Ông Châu Văn T1, sinh năm 1991 và bà Trịnh Đình Thùy L4, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn A, xã H, thành phố H; hiện trú tại: 41/16/50 ĐHT A, phường Đ, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

+ Ông Võ Văn H8 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Văn H8:

1. Bà Võ Thị H9; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

2. Chị Võ Thị H10; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

3. Anh Võ Văn H11; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

4. Anh Võ Trùng H12; địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị (nay là xã C, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà nội ông Thái Văn K là cụ Đào Thị U (sinh năm: 1908, mất năm: 2003) và ông nội ông Thái Văn K là cụ Thái Văn D4 (sinh năm: 1903, mất năm 1950). Cụ U và Cụ D4 có 6 người con gồm: Thái Văn C2 (liệt sỹ mất năm 1967); bà Thái Thị M1 (mất năm 2022); bà Thái Thị H1; ông Thái Văn K1 (mất năm 1972); bà Thái Thị H13 (mất năm 2008) và bà Thái Thị H2. Bà Võ Thị H là con gái của bà Thái Thị H13, còn ông Thái Văn K là con của ông Thái Văn K1.

Năm 1971, bố của ông Thái Văn K thấy chị gái đồng con nên đã đem về một đứa cháu về nuôi đó là bà Võ Thị H, đến năm 1972 bố ông K lâm bệnh nặng và qua đời lúc đó bà nội ông K (là cụ Đào Thị U) đã nuôi cháu Võ Thị H nên người; năm 1996 bà H không chồng mà có con, ông K thấy vậy nhưng vẫn để bà H nương tựa ở ngôi nhà đó mà bố mẹ ông K sinh sống.

Năm 1997, nhà nước đã tặng bà Đào Thị U một ngôi nhà tình nghĩa. Năm 2003 bà nội ông K là bà Đào Thị U qua đời; năm 2016 bà H đã tự ý làm thủ tục chuyển sổ đỏ sang tên bà H và đến năm 2022 bà H tự ý đập ngôi nhà tình nghĩa và không hỏi ý kiến của ông K.

Ông Thái Văn K đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Chia di sản thừa kế do ông Thái Văn D4 và bà Đào Thị U để lại là quyền sử dụng đất được

UBND huyện C cấp giấy chứng nhận số CL 684806 ngày 10/3/2016 cho hộ bà Võ Thị H. Ông K yêu cầu chia đều di sản thừa kế trên cho những người trong hàng thừa kế thứ nhất là 06 người gồm: Bà Thái Thị H1, ông Thái Văn K1 (đã chết), bà Thái Thị H2, bà Thái Thị M1 (đã chết), bà Thái Thị H13 (đã chết); mỗi người được hưởng phần di sản như nhau.

Chia phần di sản mà ông Thái Văn K1 được hưởng cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông K1 gồm bà Mai Thị D, bà Thái Thị D2, ông Thái Văn L, bà Thái Thị D1 và ông Thái Văn K. Phần ông Thái Văn K yêu cầu được hưởng có giá trị tạm tính là 100.000.000 đồng.

Buộc bà Võ Thị H bồi thường giá trị căn nhà mà Nhà nước xây tặng trên thửa đất trên năm 1996, bà H tháo dỡ năm 2022, tạm tính giá trị ngôi nhà là 100.000.000 đồng.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 684806 ngày 10/3/2016 do UBND huyện C, tỉnh Quảng Trị cấp cho hộ bà Võ Thị H.

- Tại bản trình bày ý kiến ngày 24/7/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Võ Thị H trình bày:

Bà Võ Thị H là cháu ngoại của cụ Đào Thị U (Vợ Liệt sỹ, được tặng Bằng Tổ quốc ghi công), từ nhỏ vào lúc 04 tuổi, khoảng năm 1970 thì bà H đã được bà U đưa về chăm sóc, nuôi dưỡng (tại mảnh đất hiện nay bà H đang sinh sống); khi bà H lớn lên thì bà U đã già yếu, vì vậy bà H đã quyết định không lấy chồng và làm mẹ đơn thân để sống với bà U và chăm sóc, phụng dưỡng khi bà U đau ốm; hoàn cảnh gia đình gặp nhiều vất vả, bà cháu sống trong ngôi nhà xập xệ, sinh hoạt khó khăn.

Xét thấy hoàn cảnh gia đình khó khăn, trong khi cụ Đào Thị U là Vợ liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, nên UBND xã C, tỉnh Quảng Trị đã vận động xây dựng nhà tình nghĩa cho cụ U. Năm 1997, UBND xã C đã hỗ trợ 15.000.000 đồng để xây dựng ngôi nhà tình nghĩa cho cụ U và đây cũng là nơi sinh sống của bà H và các con của bà H.

Khoảng đầu năm 1998, cụ Đào Thị U nhận thấy tuổi cao, sức yếu, đi lại gặp nhiều khó khăn, trong khi bản thân bà H phải nuôi hai con nhỏ nên bà U đã gọi cháu nội là ông Thái Văn K đến ở để chăm sóc, nuôi dưỡng bà U nhưng ông Thái Văn K không đồng ý và từ chối trách nhiệm và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng đối với bà nội là bà Đào Thị U.

Do tuổi cao, sức yếu nên ngày 05/3/2003, cụ Đào Thị U đã từ trần, một mình bà H đã lo toan ma chay, đám đình, thờ cúng cụ U chu đáo đúng với tập quán của địa phương.

Tuy nhiên, đến tháng 10/2003, cháu nội cụ U là ông Thái Văn K đã không cho bà H được thờ cúng bà U tại ngôi nhà tình nghĩa như biên bản họp gia đình đã thống nhất và ông K đã tự ý đưa tư liệu và B tổ quốc ghi công của cụ U ra khỏi

nhà bà H để về nhà ông K thờ cúng cho đến nay. Việc ông Thái Văn K từ chối trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng cụ U khi còn sống là hoàn toàn trái với đạo lý, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; nhưng khi cụ U chết thì ông K tự đưa lu hương về nhà mình thờ cúng nhằm mục đích để được hưởng chế độ thờ cúng liệt sỹ là không hợp tình và hợp lý. Nên việc Ông Thái Văn K khởi kiện và đòi các quyền lợi có liên quan là không có cơ sở, vì:

- Thứ nhất: Việc ông Thái Văn K đề nghị công nhận biên bản họp gia đình ngày 22/02/1998 là di chúc hợp pháp và đúng pháp luật là không đúng quy định và không có cơ sở pháp lý.

- Thứ hai: Ông Thái Văn K đòi công nhận quyền hưởng di sản thừa kế của ông Thái Văn K đối với diện tích đất theo giấy chứng nhận sổ quyền sử dụng đất số CL 684806 là không đúng với biên bản họp gia đình. Vì theo mục 3 biên bản ghi “Diện tích đất đai, cây cối, tài sản, vườn được giao cho cháu Võ Thị H được sử dụng lâu dài”. Vì vậy năm 2002, trong lúc còn sống cụ Đào Thị U đồng ý giao toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà H và đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H theo quy định, đây là ý chí tự nguyện của cụ U, từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay, gia đình bà H sống ổn định và cũng không có tranh chấp với ai.

- Thứ ba: Ông Thái Văn K đòi bà Võ Thị H bồi thường cho ông Thái Văn K ngôi nhà tình nghĩa trị giá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là không có cơ sở, vì:

Ngôi nhà tình nghĩa được xây dựng cho vợ Liệt sỹ từ năm 1997 với trị giá là 15.000.000 đồng, đến nay đã 25 năm; ngôi nhà đã dột nát; xuống cấp, tường nhà nứt nẻ, sập, lún, tài sản không còn giá trị sử dụng.

Mặt khác, ông Thái Văn K đã đưa lu hương và B tổ quốc ghi công của cụ U về nhà mình thờ cúng nên ngôi nhà tình nghĩa này cũng không còn là nơi thờ cúng Vợ Liệt sỹ.

Xét về tình cảm, trách nhiệm của bản thân, mặc dù ông Thái Văn K đã đưa lu hương của cụ Đào Thị U ra khỏi nhà tình nghĩa nhưng với trách nhiệm, tình cảm của người cháu tôi vẫn thờ cúng cụ U theo phong tục của địa phương, hằng năm vẫn cúng đồ chay. Vì vậy, để có nơi thờ cúng khang trang, sạch sẽ hơn và cũng làm nơi sinh sống cho gia đình, an toàn khi mùa mưa bão, tôi đã quyết định tháo dỡ ngôi nhà cũ để làm ngôi nhà mới nhưng vẫn đảm bảo dành một phòng để thờ cúng Bà tôi.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

“1. Căn cứ khoản 5, 9 Điều 26, Điều 28; Điều 34; khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 BLTTDS 2015; Điều 649, 650, 651, 652, 660; khoản 2 Điều 651; Điều 658 BLDS 2015; khoản 4; Điều 50 Điều 203 Luật đất đai năm 2003; Điều 45 Luật đất đai năm 2024. Tuyên xử:

** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Văn K về việc chia di sản thừa kế:*

Chia di sản thừa kế của cụ Đào Thị U để lại tại thửa đất số: 63, tờ bản đồ số 68; Địa chỉ: thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị; có giá trị: 390.000.000 đồng. Bà H được hưởng giá trị quyền sử dụng đất là 260.000.000 đồng, cụ U được hưởng giá trị quyền sử dụng đất là 130.000.000 đồng cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất mỗi người được hưởng như sau:

Bà Thái Thị H1; 26.000.000 đồng.

Bà Thái Thị H2; 26.000.000 đồng.

Ông Võ Văn H3, bà Võ Thị H4, bà Võ Thị H5, bà Võ Thị H mỗi người 6.500.000 đồng.

Ông Võ Văn D3, ông Võ Văn C1, bà Võ Thị M, bà Võ Thị L1, ông Võ Văn Q mỗi người 4.333.000 đồng.

Chị Võ Thị H10; anh Võ Văn H11; anh Võ Trùng H12 mỗi người 1.444.000 đồng.

Ông Thái Văn L, bà Thái Thị D1, bà Thái Thị D2, ông Thái Văn K mỗi người 6.500.000 đồng.

Bà Võ Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho các hàng thừa kế của cụ Đào Thị U được hưởng.

** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Văn K về việc: Chia di sản thừa kế diện tích 1.757m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số: 63, tờ bản đồ số 68; Địa chỉ: thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.*

Buộc bà Võ Thị H bồi thường giá trị căn nhà mà Nhà nước xây tặng trên thửa đất trên năm 1996, bà H tháo dỡ năm 2022, tạm tính giá trị ngôi nhà là 100.000.000 đồng.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 684806 ngày 10/3/2016 do UBND huyện C cấp cho hộ bà Võ Thị H.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá: Bà Thái Thị H1; bà Thái Thị H2; ông Võ Văn H3, bà Võ Thị H4, bà Võ Thị H5, bà Võ Thị H; ông Võ Văn D3, ông Võ Văn C1, bà Võ Thị M, bà Võ Thị L1, ông Võ Văn Q; chị Võ Thị H10; anh Võ Văn H11; anh Võ Trùng H12; ông Thái Văn L, bà Thái Thị D1, bà Thái Thị D2 mỗi người phải hoàn trả cho ông Thái Văn K số tiền: 882.000 đồng”.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/7/2025, ông Thái Văn K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 22/8/2025, bà Thái Thị H2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H2 vắng mặt không có lý do, nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung kháng cáo của bà H2 giống với nội dung kháng cáo của ông K, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xem xét nội dung kháng cáo của bà H2.

Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc chia di sản thừa kế đối với 1.757m² đất trồng cây lâu năm, xem xét công sức đóng góp của bà Võ Thị H bằng 2/3 giá trị tài sản là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông K, bà H2, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần 2 và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Ông Thái Văn K yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của vợ chồng cụ Thái Văn K, Đào Thị U là thửa đất có diện tích 2.000m² tọa lạc tại thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Thửa đất này Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Cl684806 ngày 10/3/2016, đối với thửa đất số 174, tờ bản đồ số 68, diện tích 2.057m², trong đó có 300m² đất ở và 1.757m² đất trồng cây lâu năm đứng tên bà Võ Thị H.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 174, tờ bản đồ số 68 là di sản thừa kế của vợ chồng cụ Thái Văn K, Đào Thị U là phù hợp, hàng thừa kế của cụ K, U gồm bà Thái Thị H1, bà Thái Thị H2, bà Thái Thị H13, bà Thái Thị M1, ông Thái Văn K1 là đúng quy định pháp luật. Các đương sự trong vụ án cũng không kháng cáo về vấn đề này.

Quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Thái Văn K về việc chia di sản thừa kế đối với 1.757m² đất trồng cây lâu năm, với nhận định *“1.757m² đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đất trồng cây lâu năm đến tháng 7/2022 nhưng chưa được người sử dụng đất gia hạn quyền sử dụng đất. Như vậy, đối với diện tích 1.757m² cây lâu năm chưa được gia hạn quyền sử dụng đất nên hiện đang thuộc quyền quản lý của Nhà nước, chứ không phải là di sản*

thừa kế nên chưa đủ điều kiện để chia di sản thừa kế theo Điều 45 Luật đất đai 2024. Do đó, không chấp nhận yêu cầu phân chia di sản thừa kế của nguyên đơn đối với diện tích 1.757m² cây lâu năm. Các đương sự có quyền khởi kiện chia di sản đối với phần diện tích đất này sau khi thực hiện thủ tục và được Nhà nước gia hạn quyền sử dụng đất”.

Thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khi hết thời hạn sử dụng đất thì tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 126, khoản 3 Điều 210 của Luật đất đai 2013, mà không phải làm thủ tục điều chỉnh thời hạn sử dụng đất. Hơn nữa, việc gia hạn thời hạn sử dụng đất chỉ là thủ tục hành chính và được thực hiện theo quy định pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết đối với 1.757m² loại đất trồng cây lâu năm theo yêu cầu của nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật, nội dung này thì Hội đồng xét xử không thể khắc phục ở giai đoạn xét xử theo thủ tục phúc thẩm, vì vậy cần phải hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Như vậy, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Thái Văn K, bà Thái Thị H2.

[3] Nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng cụ Thái Văn K, Đào Thị U tạo lập, bà H được cụ U đưa về nuôi từ lúc 04 tuổi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định công sức đóng góp của bà Võ Thị H lớn hơn cụ Đào Thị U và chia cho bà H bằng 2/3 giá trị quyền sử dụng đất là không phù hợp. Do bản án dân sự đã bị hủy nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét nội dung này, nhưng khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần đánh giá công sức đóng góp của bà H cho hợp lý.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Thái Văn K, bà Thái Thị H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 6 Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Thái Văn K, bà Thái Thị H2.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Thái Văn K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông K số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000218 ngày 28/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Bà Thái Thị H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà H2 số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000301 ngày 11/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ II;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P. HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Phước Hòa